

Bản án số: 405/2018/DSPT

Ngày: 23/4/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Biện Thị Hoa**

Các Thẩm phán: Ông **Ngô Văn Dũng**

Bà **Vũ Thị Thu Hà**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Võ Phạm Phương Hạnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 và ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại Phòng xử Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 668/DSPT ngày 22 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 537/2017/DSST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1293/2018/QĐXX-PT ngày 26 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP N T V N

Trụ sở: 198 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Địa chỉ Chi nhánh Đ: 22F – 24 đường L, Phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

Công ty TNHH C N

Địa chỉ: 29 đường số Q, Phường QO, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần T H (Giấy ủy quyền số 180301/UQ ngày 02/3/2018) (Có mặt)

Địa chỉ: 76 đường T, Phường Y, Quận E, TPHCM.

2. *Bị đơn:*

2.1 Ông Nguyễn M Q, sinh năm 1987

Địa chỉ: 1025/8D đường T, phường U, quận B, TPHCM.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi T Th, sinh năm 1980 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 122/13A đường ĐT, phường QW, quận T, TP.Hồ Chí Minh

Theo giấy ủy quyền ngày 09/6/2016 tại Văn phòng công chứng T, TP.Hồ Chí Minh.

2.2 Ông Đinh Tr H, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

2.3 Bà Nguyễn Thị A Ng, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 82 đường Th, Phường QW, quận B, TPHCM.

2.4 Ông Đinh Q H, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

2.5 Bà Phạm Thị B Th, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 48/15 đường L, phường QE, quận B, TPHCM

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Đinh Tr H1, sinh năm 1953

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Tr (Theo Giấy ủy quyền ngày 26/12/2017 Văn phòng công chứng Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh) (Có mặt)

3.2 Ông Đinh Tr H2, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

3.3 Ông Đinh Tr H, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

3.4 Bà Nguyễn Thị A Ng, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 82 đường Th, Phường QW, quận B, TPHCM.

3.5 Ông Đinh Q H, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 48/15 đường L, phường QE, quận Tân Bình, TPHCM.

3.6 Ông Hán H Th, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

3.7 Bà Nguyễn Thị D L, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

3.8 Ông Vũ Q V, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

3.9 Bà Nguyễn Th Ng, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

3.10 Bà Trương Th Ng Hiền, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

3.11 Bà Nguyễn Lâm H Ng, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

3.12 Ông Nguyễn S L, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

3.13 Ông Nguyễn Kh Nh, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

3.14 Bà Nguyễn Thị X Th, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

3.15 Bà Mai Th Ng Huyền, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

3.16 Ông Tài Đại H V, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

3.17 Bà Phạm Thị C Gi, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

3.18 Bà Phan Th D, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

3.19 Bà Lê Thị C Nh, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

3.20 Bà Lê Thị Th T, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

3.21 Bà Phạm Thị Th N, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

3.22 Bà Phạm Thị Th N1, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

3.23 Ông Phạm V A, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

3.24 Bà Nguyễn Th H, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

3.25 Ông Nguyễn Th S, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

3.26 Bà Hồ Thị K Ch, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

3.27 Ông Phạm V Tr, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

3.28 Ông Trần M T, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

3.29 Bà Hồ T H, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 82 đường Th, Phường QW, quận B, TPHCM.

4. Người kháng cáo: Ông Đinh Tr H1 – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Ông Phan Minh Đ đại diện nguyên đơn trình bày:

- Ngày 20/11/2013 Ngân hàng TMCP N T V N – Chi nhánh Bình Thạnh (nay là chi nhánh Đ), sau đây gọi tắt là Ngân hàng N T và ông Nguyễn M Q ký hợp đồng tín dụng số 053.006.13.0279 vay số tiền 4.200.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn : Mua nhà 1025/5C Đường T, phường 7, quận Tân Bình, thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn là 24 tháng, thời gian thu hồi nợ là 96 tháng, định kỳ trả gốc 01 tháng/kỳ, trả lãi vào ngày 26/6 và 26/12 hàng năm. Thực hiện hợp đồng ông Q đã rút vốn vay 06 lần với tổng số tiền 4.200.000.000 đồng. Ông Q thanh toán được các kỳ trả lãi vào ngày 26/12/2013, 26/6/2014, 26/12/2014 và 26/6/2015. Từ kỳ trả lãi 26/12/2015 ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi cho đến nay. Do ông Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 14/12/2015 Ngân hàng N T đã ra thông báo về việc khởi kiện thu hồi đối với ông Q. Sau khi Ngân hàng nộp đơn khởi kiện thì ông Q trả được 88.550.609 đồng. Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ông Q còn nợ các khoản tiền sau: Tiền nợ gốc: 4.111.449.391 đồng, tiền nợ lãi 1.004.921.271 đồng (trong đó lãi trong hạn là 994.185.180 đồng, lãi quá hạn 10.76.091 đồng). Tổng nợ gốc và lãi 5.116.370.662 đồng.

Tài sản bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của ông Q: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 82 đường Th, phường QW, quận B, TPHCM, TP.Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Đinh Tr H1 và bà Trần Thị H và được lập hợp đồng thế chấp số 02.006.2013.117 tại Văn phòng công chứng Bến Nghé, TP.Hồ Chí Minh, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 22/11/2013.

- Ngày 27/3/2014 Ngân hàng N T và ông Đinh Tr H, bà Nguyễn Thị A Ng ký hợp đồng tín dụng số 053.006.14.0081 vay số tiền 4.800.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn: Mua đất tại thôn Bàu Giêng, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, trong đó: Thời gian ân hạn: 12 tháng, thời gian thu hồi nợ 108 tháng, định kỳ trả gốc 06/kỳ, trả lãi vào ngày 26/3 và 26/9 hàng năm. Thực hiện hợp đồng ông H, bà Ng đã rút vốn hai lần với số tiền 4.800.000.000 đồng. Ông H, bà Ng không thanh toán kỳ trả gốc vào ngày 26/9/2015, chỉ trả lãi vào ngày 26/9/2014. Từ kỳ trả lãi ngày 26/3/2015 ông H, bà Ng vi phạm việc trả lãi cho đến nay. Do ông H, bà Ng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng N T đã ra thông báo nợ quá hạn nhiều lần đối với ông H, bà Ng. Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ông H, bà Ng còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Tiền nợ gốc là 4.800.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 1.610.558.196 đồng. Tổng nợ gốc và lãi 6.410.558.196 đồng.

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của ông H, bà Ng: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 82 đường Th, phường QW, quận B, TPHCM thuộc quyền sở hữu của ông Đinh Tr H1 và bà Trần Thị H và được lập hợp đồng thế chấp số 02.006.2014.0047 ngày 27/3/2014 tại Văn phòng công chứng Bến Nghé, TP.Hồ Chí Minh, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 28/3/2014.

- Ngày 08/6/2011 Ngân hàng N T và ông Đinh Q H, bà Phạm Thị B Th ký hợp đồng tín dụng số 053.004.11.0165 và phụ lục hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/053.004.11.0165 ngày 04/6/2014 vay số tiền: 2.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua nhà và xây nhà, thời hạn cho vay 120 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời gian ân hạn là 24 tháng. Thực hiện hợp đồng ông Q H, bà B Th đã rút vốn năm lần với số tiền 2.000.000.000 đồng. Ông Q H, bà B Th đã thanh toán được tiền gốc là 536.000.000 đồng, việc thanh toán lãi ông Q H, bà B Th vi phạm kể từ ngày 26/6/2015 cho đến nay. Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ông Q

H, bà B Th còn nợ số tiền gốc 1.464.000.000 đồng, tiền lãi 433.559.535 đồng. Tổng nợ gốc và lãi 1.897.559.535 đồng.

Ngày 11/4/2013 ông Q H, bà B Th và Ngân hàng ký tiếp hợp đồng số 053.006.13.0052, hợp đồng sửa đổi, bổ sung bởi phụ lục số 01/053/006/13/0052 ngày 04/6/2014 vay số tiền 2.000.000.000 đồng. Thực hiện hợp đồng ông Q H, bà B Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi và còn nợ số tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn 595.550.537 đồng và tiền lãi quá hạn 38.734.691 đồng. Tổng cộng là 2.627.185.227 đồng.

Ngày 11/9/2013 Ngân hàng và ông Q H, bà B Th tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 053.006.13.0191 và phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/053.006.13.0191 ngày 04/6/2014 vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền sửa chữa nhà và nâng cấp nhà cho thuê ở quận Tân Bình, thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn: 24 tháng, thời gian thu hồi nợ 96 tháng, trả tiền gốc theo lịch trả nợ, trả lãi vào ngày 26 hàng tháng. Thực hiện hợp đồng bà B Th, ông Q H đã nhận đủ số tiền 500.000.000 đồng. Ông Q H vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi từ ngày 26/6/2015 cho đến nay, về nợ gốc ông Q H, bà B Th không thanh toán được khoản nợ gốc nào. Như vậy, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ông Q H còn nợ tiền gốc là 499.997.983 đồng, tiền nợ lãi là 158.885.559 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi 658.883.542 đồng.

Do ông Q H, bà B Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 14/12/2015 Ngân hàng N T đã ra thông báo về việc khởi kiện thu hồi đối với ông Q H, bà B Th. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, tổng số tiền ông Q H, bà B Th còn nợ tiền gốc là 3.956.897.983 đồng, nợ lãi là 1.226.730.322 đồng, tổng cộng 5.183.628.305 đồng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng nêu trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 82 đường Th, phường QW, quận B, TPHCM thuộc quyền sở hữu của ông Đinh Tr H1 và bà Trần Thị H theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02.006.2014.0097 ngày 04/6/2014 tại văn phòng công chứng Bến Nghé, TP.Hồ Chí Minh và được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 11/6/2014.

- Ngày 18/10/2013 Ngân hàng N T và ông Đinh Q H ký hợp đồng tín dụng số 053.006.13.0239 vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, trả tiền nợ gốc theo lịch trả nợ, trả lãi ngày 26 hàng tháng. Thực hiện hợp đồng, ngày 30/6/2014 ông Q H rút vốn 170.000.000 đồng, ngày 29/9/2014 ông Q H rút số tiền 300.000.000 đồng. Ông Q H đã thanh toán được 320.000.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc là 150.000.000 đồng, tính đến thời điểm xét xử ông Q H còn nợ tiền lãi là 41.158.398 đồng.

Ngày 15/12/2014 Ngân hàng N T và ông Q H ký tiếp hợp đồng tín dụng số 053.006.14.0384 được sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/053.006.14.0384 ngày 14/5/2015 vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, trả tiền gốc theo lịch trả nợ, trả lãi vào ngày 26 hàng tháng. Thực hiện hợp đồng ngày 31/12/2014 ông Q H rút vốn số tiền 290.000.000 đồng, thanh toán tiền gốc 45.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 245.000.000 đồng, tiền lãi đến thời điểm xét xử là 73.382.678 đồng (lãi trong hạn 67.227.320 đồng, lãi quá hạn 6.155.358 đồng).

Tổng nghĩa vụ trả nợ của cá nhân ông Q H là:

Tiền nợ gốc : 402.098.573 đồng

Tiền nợ lãi: 115.257.857 đồng (lãi trong hạn 109.102.499 đồng, lãi quá hạn 6.155.358 đồng).

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của ông Q H theo các hợp đồng tín dụng nêu trên là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 82 đường Th, phường QW, quận B, TPHCM thuộc quyền sở hữu của ông Đinh Tr H1 và bà Trần Thị H theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 02.006.2015.0132 ngày 14/5/2015 tại Văn phòng công chứng Bến Nghé, TP.Hồ Chí Minh, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 15/5/2015

Do ông Nguyễn M Q, Đinh Q H, bà Phạm Thị B Th, ông Đinh Tr H, bà Nguyễn Thị A Ng vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng N T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc: Ông Nguyễn M Q phải thanh toán ngay tiền nợ gốc là 4.200.000.000 đồng, tiền lãi 1.004.921.271 đồng (trong đó lãi trong hạn là 994.185.180 đồng, lãi quá hạn 10.76.091 đồng). Tổng nợ gốc và lãi 5.116.370.662 đồng.

Ông Đinh Tr H, bà Nguyễn Thị A Ng phải thanh toán ngay tiền nợ gốc theo các hợp đồng tín dụng đã ký là 4.800.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 1.610.558.196 đồng

Ông Đinh Q H, bà Phạm Thị B Th phải thanh toán tiền nợ gốc theo các hợp đồng tín dụng đã ký là: 3.956.997.983 đồng và tiền nợ lãi là 1.226.730.322 đồng.

Ông Đinh Q H có trách nhiệm thanh toán tiền nợ gốc theo các hợp đồng tín dụng đã ký là 402.098.573 đồng, tiền nợ lãi là 115.257.857 đồng (lãi trong hạn 109.102.499 đồng, lãi quá hạn 6.155.358 đồng).

Trường hợp, ông Nguyễn M Q, Đinh Tr H, bà Nguyễn Thị A Ng, ông Đinh Q H, bà Phạm Thị B Th không cùng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 82 đường Th, phường QW, quận B, TPHCM thuộc quyền sở hữu của ông Đinh Tr H1 và bà Trần Thị H (chết ngày 02/2/2016, những người thừa kế của bà Hòa là ông Đinh Tr H1, ông Đinh Q H, ông Đinh Tr H, ông Đinh Tr H2) theo giấy chứng nhận số BĐ 108601 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp ngày 23/5/2011 để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng N T.

Ông Bùi T Th đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn M Q trình bày: Ngày 20/11/2013 ông Nguyễn M Q và Ngân hàng N T có ký hợp đồng tín dụng số 053.006.13.0279 vay số tiền 4.200.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn: Mua nhà 1025/5C Đường T, phường 7, quận Tân Bình. Khoản vay của ông Q được ông Đinh Tr H1 và bà Trần Thị H bảo đảm toàn bộ bằng việc thế chấp tài sản cho Ngân hàng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 82 đường Th, phường QW, quận B, TPHCM. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Q H đã thanh toán đủ tiền lãi đến kỳ trả lãi ngày 26/6/2015. Từ kỳ trả lãi tháng 12/2015 ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi và nợ gốc cho Ngân hàng. Ông Q đồng ý với khoản nợ gốc và lãi như Ngân hàng trình bày là đúng. Tuy nhiên, do hiện nay ông Q đang gặp khó khăn về tài chính, không có khả năng trả được số nợ trên nên đề nghị Ngân hàng xem xét miễn hoặc giảm một phần lãi cho ông Q và ông cũng đồng ý với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của Ngân hàng do ông không có khả năng trả nợ.

Bị đơn ông Đinh Q H, bà Phạm Thị B Th, ông Đinh Tr H, bà Nguyễn Thị A Ng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Tr H1 trình bày: Ông H1 và bà Trần Thị H là chủ sở hữu căn nhà số 82 đường Th, phường QW, quận B, TPHCM, Tp.HCM. Do các con có nhu cầu về nhà ở nên ngày 12/11/2013 vợ chồng ông có ủy quyền cho con dâu là bà Nguyễn Thị A Ng được quyền thay mặt vợ chồng ông quản lý, sử dụng, xây dựng, góp vốn, cho thuê, cho mượn, thế chấp để bảo lãnh cho bên thứ ba, chuyển nhượng, bán hoặc tặng cho đối với căn nhà số 82 đường Th, phường QW, quận B, TPHCM. Sau khi ký hợp đồng ủy quyền, bà Ng có báo với ông là bà Ng và ông H đã vay ngân hàng số tiền 4.800.000.000 đồng và đưa bản chính hợp đồng thế chấp số 02.006.2014.0047 và hợp đồng vay số 053.006.14.0081, ngoài ra không thông báo với ông về việc gì khác. Khoảng tháng 11/2015 Ngân hàng đến thông báo cho vợ chồng ông biết là căn nhà trên đã bị cầm cố, thế chấp cho 05 khoản vay của ông Đinh Q H dư nợ gốc 2.395.808.573 đồng, bà Nguyễn Thị A Ng dư nợ gốc là 4.800.000.000 đồng, bà Phạm Thị B Th dư nợ gốc là 1.964.000.000 đồng, ông Nguyễn M Q dư nợ gốc là 4.200.000.000 đồng, ông mới biết việc bà Ng sử dụng giấy tờ nhà để thế chấp cho ngân hàng cho những người nói trên. Nay, ngân hàng khởi kiện yêu cầu phát mãi tài sản căn nhà 82 đường Th, phường QW, quận B, TPHCM để trả nợ cho các khoản vay trên ông H1 chỉ đồng ý bán nhà để trả cho khoản nợ của bà Ng và ông H, những khoản nợ khác ông không biết nên ông không chịu trách nhiệm. Ngoài ra, ông không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Q H, ông Đinh Tr H, bà Nguyễn Thị A Ng, ông Đinh Tr H2, ông Hán H Th, bà Nguyễn Thị D L, ông Vũ Q V, bà Nguyễn Th Ng, bà Trương Th Ng Hiền, bà Nguyễn Lâm H Ng, ông Nguyễn S L, bà Trần Thị Thu Th, bà Trần Th Ng Triều, bà Lê Thị Phương Th, ông Đào Q V, ông Tài Đại Quỳnh Th, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Kh Nh, bà Nguyễn Thị X Th, bà Mai Th Ng Huyền, bà Mai Thị Yến N, ông Tài Đại H V, bà Phạm Thị C Gi, bà Phan Th D, bà Lê Thị C Nh, bà Lê Thị Th T, bà Nguyễn Thị Lan Th, bà Trần Thị L, bà Phạm Thị Th N, bà Phạm Thị Th N1, ông Phạm V A, bà Nguyễn Thị Mỹ Ph, ông Trương Thanh B, ông Nguyễn Thanh Ch, bà Nguyễn Th H, ông Nguyễn Th S, bà Hồ Thị K Ch, ông Phạm V Tr, ông Trần M T, bà Hồ T H, bà Trần Thị Minh A, bà Trần Thị Thùy Tr, ông Trần Ninh T, ông Ng S vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông Phan Minh Đ trình bày có nội dung như trên và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn M Q có đại diện theo ủy quyền là ông Bùi T Th, ông Đinh Q H, bà Phạm Thị B Th, ông Đinh Tr H, bà Nguyễn Thị A Ng vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Tr H1, ông Đinh Q H, ông Đinh Tr H, bà Nguyễn Thị A Ng, ông Đinh Tr H2, ông Hán H Th, bà Nguyễn Thị D L, ông Vũ Q V, bà Nguyễn Th Ng, bà Trương Th Ng Hiền, bà Nguyễn Lâm H Ng, ông Nguyễn S L, bà Trần Thị Thu Th, bà Trần Th Ng Triều, bà Lê Thị Phương Th, ông Đào Q V, ông Tài Đại Quỳnh Th, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Kh Nh, bà Nguyễn Thị X Th, bà Mai Th Ng Huyền, bà Mai Thị Yến N, ông Tài Đại H V, bà Phạm Thị C Gi, bà Phan Th D, bà Lê Thị C Nh, bà Lê Thị Th T, bà Nguyễn Thị Lan Th, bà Trần Thị L, bà Phạm Thị Th N, bà Phạm Thị Th N1, ông Phạm V A, bà Nguyễn Thị Mỹ Ph, ông Trương Thanh B, ông Nguyễn Thanh Ch, bà Nguyễn Th H, ông Nguyễn Th S, bà Hồ Thị K Ch, ông Phạm V Tr, ông Trần M T, bà Hồ T H, bà Trần Thị Minh A, bà Trần Thị Thùy Tr, ông Trần Ninh T, ông Ng S vắng mặt.

Tại bản án sơ thẩm số 537/2017/DSST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N T V N:

Buộc ông Nguyễn M Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N T V N số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2017 theo hợp đồng tín dụng số 053.006.13.0279 ngày 20/11/2013, hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung ngày 07/01/2014 là 5.116.370.662 đồng (năm tỷ một trăm mười sáu triệu ba trăm bảy mươi ngàn sáu trăm sáu mươi hai đồng), trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Đinh Tr H, bà Nguyễn Thị A Ng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N T V N số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2017 theo hợp đồng tín dụng số 053.006.14.0081 ngày 27/03/2014 là 6.410.558.196 đồng (sáu tỷ bốn trăm mười triệu năm trăm năm mươi tám ngàn một trăm chín mươi sáu đồng), trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Đinh Q H, bà Phạm Thị B Th có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N T V N số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2017 theo các hợp đồng tín dụng số 053.004.11.0165 ngày 08/6/2011, phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/053.004.11.0165 ngày 04/6/2014, hợp đồng tín dụng số 053.006.13.0191 ngày 11/9/2013, phụ lục hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 01/053.006.13.0191 ngày 04/6/2014, hợp đồng tín dụng số 053.006.13.0052 ngày 11/4/2013, phụ lục hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 01/053.006.13.0052 ngày 04/6/2014, 053.006.13.0239 ngày 18/10/2013, hợp đồng tín dụng số 053.006.14.0384 ngày 15/12/2014 là 5.700.984.735 đồng (năm tỷ bảy trăm triệu chín trăm tám mươi bốn ngàn bảy trăm ba mươi lăm đồng) trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án có thẩm quyền.

Tiền lãi vẫn tiếp tục phát sinh tính từ ngày 30/9/2017 theo mức lãi suất đã thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Trường hợp, ông Nguyễn M Q, Đinh Tr H, bà Nguyễn Thị A Ng, ông Đinh Q H, bà Phạm Thị B Th không cùng thực hiện nghĩa vụ thì Ngân hàng TMCP N T V N được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ 82 đường Th, phường QW, quận B, TPHCM, TP.Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu số BĐ 108601 vào sổ cấp số CH 00685 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp ngày 23/5/2011 cho ông Đinh Tr H1 và bà Trần Thị H (chết ngày 02/02/2016, những người thừa kế của bà Hòa là ông Đinh Tr H1, ông Đinh Q H, ông Đinh Tr H, ông Đinh Tr H2). Việc phát mãi thu hồi nợ của Ngân hàng được thực hiện theo thứ tự ưu tiên đăng ký giao dịch bảo đảm.

Ngày 31/10/2017, ông Đinh Tr H1 – là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án số 537/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh với lý do Hội Đồng xét xử chưa xem xét toàn diện, khách quan tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và thực tế cuộc sống, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tại phiên Toà phúc thẩm các đương sự trình bày:

Đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Tr trình bày: Ông H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý việc Ngân hàng TMCP N T V N được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ 82 đường Th, Phường QW, quận B, TPHCM.

Căn cứ kháng cáo: Trong suốt quá trình Ngân hàng TMCP N T V N và bà Nguyễn Thị A Ng thực hiện ký kết các Hợp đồng bảo lãnh cho 05 khoản vay, vợ chồng ông H1 không nhận được bất cứ Thông báo hay buổi trao đổi nào từ phía Ngân hàng. Điều này đã vi phạm quy định tại Điều 42 Nghị định 163/2006/NĐ-CP của Chính phủ về Giao dịch đảm bảo.

Đối với Hợp đồng ủy quyền số 039805 lập ngày 12/11/2013, trong quá trình thực hiện ủy quyền, ông H1 không nhận được bất cứ lợi ích gì, không được thông báo về nghĩa vụ phát sinh nào. Đối với việc bảo lãnh khoản vay của ông Nguyễn M Q: Ông H1 và bà Hòa không có quan hệ gì với ông Q, mục đích của việc ủy quyền là không nhằm bảo lãnh cho ông Q. Ông Q vay tiền với mục đích mua nhà nhưng không mua, đồng thời ông Q là con trai của bà Lê Huyền Ngọc – Giám đốc Ngân hàng N T V N Chi nhánh Đ, việc ông Q vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 035.006.13.0279 ngày 20/11/2013 đã vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng.

Đối với việc bảo lãnh khoản vay cho ông Đinh Tr H và bà Nguyễn Thị A Ng: Bà Ng đã xác lập hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp vì lợi ích của chính mình, trái với quy định tại Khoản 5 Điều 144 Bộ luật dân sự 2005.

Đối với các khoản vay của ông Đinh Q H và bà Phạm Thị B Th, có 5 khoản vay, trong đó có 3 khoản vay ông Q H, bà B Th đã vay trước khi ông H1, bà Hòa ủy quyền cho bà Bích Ngọc, 3 khoản vay này đã được đảm bảo bằng tài sản là căn nhà 48/15 Nguyễn Hiền Lê, Phường 13, quận Tân Bình, tuy nhiên sau đó lại chuyển sang tài sản thế chấp là căn nhà 82 Hoàng Hoa Thám.

Khi các bên ký kết hợp đồng cho vay, hợp đồng thế chấp đã không xem xét đến lợi ích của ông H1, bà Hòa, không làm việc, không thông báo cho ông bà do đó các hợp đồng đó đều vô hiệu.

Thời hạn ông H1, bà Hòa ủy quyền cho bà Ng là 05 năm, nhưng các hợp đồng thế chấp cho các khoản vay đều có thời hạn là 10 năm.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ sự thật khách quan của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên hủy một phần bản án sơ thẩm và bác yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 82 đường Th, phường QW, quận B, TPHCM để thu hồi nợ cho các khoản vay.

Đại diện nguyên đơn trình bày ý kiến: Đối với các hợp đồng cho vay, hợp đồng thế chấp đã được thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Đơn kháng cáo của đương sự còn trong thời hạn luật định. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Tr H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 537/2017/DSST ngày 29/09/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành

phổ Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

I- Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Đinh Tr H1 nộp Tòa án trong thời hạn luật định.

Về thủ tục tố tụng : Bị đơn ông Nguyễn M Q do ông Bùi T Th đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đinh Q H, bà Phạm Thị B Th, ông Đinh Tr H, bà Nguyễn Thị A Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn có tên nêu trên là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Tr H2, ông Đinh Tr H, bà Nguyễn Thị A Ng, ông Đinh Q H, bà Phạm Thị B Th, ông Đinh Tr H, bà Nguyễn Thị A Ng, ông Đinh Q H, ông Hán H Th, bà Nguyễn Thị D L, ông Vũ Q V, bà Nguyễn Th Ng, bà Trương Th Ng Hiền, bà Nguyễn Lâm H Ng, ông Nguyễn S L, ông Nguyễn Kh Nh, bà Nguyễn Thị X Th, bà Mai Th Ng Huyền, ông Tài Đại H V, bà Phạm Thị C Gi, bà Phan Th D, bà Lê Thị C Nh, bà Lê Thị Th T, bà Phạm Thị Th N, bà Phạm Thị Th N1, ông Phạm V A, bà Nguyễn Th H, ông Nguyễn Th S, bà Hồ Thị K Ch, ông Phạm V Tr, ông Trần M T, bà Hồ T H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các ông, bà có tên nêu trên là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

II- Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa hôm nay người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Tr H1 không đồng ý với việc Tòa án nhân dân quận Tân Bình chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là căn nhà 82 đường Th, Phường QW, quận B, TPHCM của Ngân hàng TMCP N T V N, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CH00685 xét thấy căn nhà 82 đường Th, Phường QW, quận B, TPHCM thuộc quyền sở hữu của ông Đinh Tr H1 và bà Trần Thị H. Căn cứ theo Hợp đồng ủy quyền ngày 12/11/2013 giữa ông Đinh Tr H1, bà Trần Thị H và bà Nguyễn Thị A Ng, xét thấy ông H1 bà Hòa ủy quyền cho bà Nguyễn Thị A Ng quản lý căn nhà số 82 đường Th, Phường QW, quận B, TPHCM, theo đó trong phạm vi ủy quyền bà Ng được quyền sử dụng, xây dựng, góp vốn, cho thuê, cho mượn, thế chấp, thế chấp để bảo lãnh cho bên thứ ba, chuyển nhượng, bán hoặc tặng cho đối với căn nhà và quyền sử dụng đất nêu trên (Mục 1 của Hợp đồng ủy quyền). Hợp đồng ủy quyền được công chứng chứng thực theo quy định pháp luật, nên có giá trị pháp lý.

Căn cứ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02.006.2014.0047 lập ngày 27/3/2014 để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho Hợp đồng vay số 053.006.14.0081; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02.006.2014.0097 lập ngày 04/6/2014 để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho Hợp đồng vay tín dụng số 053.004.11.0165, 053.006.13.0191, 053.006.13.052; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02.006.2015.0132 lập ngày 14/5/2015 để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho Hợp đồng vay tín dụng số 053.006.13.0239, 053.006.14.0384, xét thấy bà Nguyễn Thị A Ng đã tiến hành thế chấp

căn nhà tọa lạc tại số 82 đường Th, Phường QW, quận B, TPHCM cho Ngân hàng TMCP N T V N để đảm bảo nhiều khoản vay tín dụng.

Đối với kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Tr H1 do ông Nguyễn Văn Tr là đại diện ủy quyền cho rằng trước, trong và sau khi cho vay ông H1 không nhận được thông báo nào từ phía Ngân hàng. Xét thấy, căn cứ theo Khoản 1 Điều 138, Khoản 1 Điều 139 Bộ luật Dân sự 2015, ông H1, bà Hòa đã ủy quyền cho bà Ng, do việc thế chấp tài sản đảm bảo của bà Ng nằm trong phạm vi ủy quyền, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với người đại diện (ông Đinh Tr H1).

Đối với ý kiến kháng cáo của ông H1 do ông Trung đại diện cho rằng bà Nguyễn Thị A Ng đã vi phạm pháp luật khi thực hiện công việc ủy quyền vì lợi ích của chính bà Ng, Hội đồng xét xử xét thấy: Khoản 5 Điều 144 Bộ luật Dân sự 2005 quy định “Người đại diện không được xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự với chính mình hoặc với người thứ ba mà mình cũng là người đại diện của người đó, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”. Việc bà Nguyễn Thị A Ng là người được ủy quyền thực hiện các giao dịch dân sự với Ngân hàng N T V N không vi phạm quy định pháp luật.

Đối với ý kiến kháng cáo của ông H1 do ông Trung đại diện cho rằng khoản vay của ông Nguyễn M Q là không đúng quy định pháp luật, ông Q thuộc trường hợp không được cấp tín dụng. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng thì “Việc áp dụng quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này đối với người vay là bố, mẹ, vợ, chồng, con của Giám đốc, Phó Giám đốc chi nhánh của tổ chức tín dụng do tổ chức tín dụng xem xét quyết định”. Do đó việc Ngân hàng N T cho ông Q vay không vi phạm điều cấm của pháp luật.

Đối với ý kiến kháng cáo của ông H1 do ông Trung đại diện cho rằng thời hạn ủy quyền là 05 năm nhưng các hợp đồng thế chấp cho các khoản vay đều có thời hạn 10 năm, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà Ng ký các hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo của được thực hiện trong thời gian bà Ng được ủy quyền (từ ngày 20/11/2013 đến ngày 14/5/2015), do đó các hợp đồng thế chấp này có giá trị pháp lý.

Việc ông Đinh Tr H1 kháng cáo Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, thực tế cuộc sống làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông H1 nhưng ông H1 không cung cấp được thêm chứng cứ nào chứng minh việc sai phạm của Ngân hàng N T V N.

Các hợp đồng vay tín dụng là do các bên nguyên đơn và bị đơn tự nguyện thỏa thuận, mức lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Đến thời hạn thanh toán nhưng các bị đơn vẫn chưa thanh toán nợ cho nguyên đơn, do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của Ngân hàng TMCP N T V N là có cơ sở.

Ngày 15/12/2017, giữa Ngân hàng TMCP N T V N và Công ty TNHH C N đã ký hợp đồng bán nợ (thông qua bán đấu giá) số 53/2017/HĐMB-VAT. Từ ngày 15/12/2017 Công ty TNHH C N kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP N T V N đối với khoản nợ của ông Nguyễn M Q, ông Đinh Q H, bà Phạm Thị B Th, ông Đinh Tr H, bà Nguyễn Thị A Ng. Tại bản án sơ thẩm đã tuyên buộc các bị đơn thanh toán nợ cho

nguyên đơn là Ngân hàng TMCP N T V N, Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại phần quyết định này của bản án sơ thẩm cho chính xác.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Tr H1 cũng như lời trình bày của đại diện ủy quyền của ông H1 là không có cơ sở để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ các yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ y bản án sơ thẩm.

III- Về án phí:

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Hoàn lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Tr H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lý do nêu trên;

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 144, Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 138, Điều 139, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn M Q có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH C N số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2017 theo hợp đồng tín dụng số 053.006.13.0279 ngày 20/11/2013, hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung ngày 07/01/2014 là 5.116.370.662 đồng (năm tỷ một trăm mười sáu triệu ba trăm bảy mươi ngàn sáu trăm sáu mươi hai đồng), trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Đinh Tr H, bà Nguyễn Thị A Ng có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH C N số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2017 theo hợp đồng tín dụng số 053.006.14.0081 ngày 27/03/2014 là 6.410.558.196 đồng (sáu tỷ bốn trăm mười triệu năm trăm năm mươi tám ngàn một trăm chín mươi sáu đồng), trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Đinh Q H, bà Phạm Thị B Th có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH C N số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2017 theo các hợp đồng tín dụng số 053.004.11.0165 ngày 08/6/2011, phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/053.004.11.0165 ngày 04/6/2014, hợp đồng tín dụng số 053.006.13.0191 ngày 11/9/2013, phụ lục hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 01/053.006.13.0191 ngày 04/6/2014, hợp đồng tín dụng số 053.006.13.0052 ngày 11/4/2013, phụ lục hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 01/053.006.13.0052 ngày 04/6/2014, 053.006.13.0239 ngày 18/10/2013, hợp đồng tín dụng số 053.006.14.0384 ngày 15/12/2014 là 5.700.984.735 đồng (năm tỷ bảy trăm triệu chín trăm tám mươi bốn ngàn bảy trăm ba mươi lăm đồng) trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án có thẩm quyền.

Tiền lãi vẫn tiếp tục phát sinh tính từ ngày 30/9/2017 theo mức lãi suất đã thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Trường hợp, ông Nguyễn M Q, Đinh Tr H, bà Nguyễn Thị A Ng, ông Đinh Q H, bà Phạm Thị B Th không cùng thực hiện nghĩa vụ thì Công ty TNHH C N được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ 82 đường Th, phường QW, quận B, TPHCM, TP.Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu số BD 108601 vào sổ cấp số CH 00685 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp ngày 23/5/2011 cho ông Đinh Tr H1 và bà Trần Thị H (chết ngày 02/02/2016, những người thừa kế của bà Hòa là ông Đinh Tr H1, ông Đinh Q H, ông Đinh Tr H, ông Đinh Tr H2). Việc phát mãi thu hồi nợ của Công ty TNHH C N được thực hiện theo thứ tự ưu tiên đăng ký giao dịch bảo đảm.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn M Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.116.370 đồng (một trăm mười ba triệu một trăm mười sáu ngàn ba trăm bảy mươi đồng).

Ông Đinh Tr H, bà Nguyễn Thị A Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 114.410.558 đồng (một trăm mười bốn triệu bốn trăm mười ngàn năm trăm năm mươi tám đồng)

Ông Đinh Q H, bà Phạm Thị B Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.700.984 đồng (một trăm mười ba triệu bảy trăm ngàn chín trăm tám mươi bốn đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP N T V N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.493.498 đồng (sáu mươi một triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn bốn trăm chín mươi tám đồng) theo biên lai thu số 0005737 ngày 11/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đinh Tr H1 phải chịu số tiền án phí là 300.000 đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0007069 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Ông Đinh Tr H1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ (Hiển).

Biện Thị Hoa